

Bản án số: 175/2024/DS-PT

Ngày 16 - 4 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng hợp tác
nuôi tôm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Thành C, sinh năm 1958 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Bích Thủy, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Tăng Tấn Lập, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Cẩm H, sinh năm 1960 (vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị Bích T2, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn T1 là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Thành C trình bày:

Ngày 26/3/2022, ông Phạm Thành C và ông Trần Văn T1 có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HDHTKD, nội dung hợp đồng ông T1 đầu tư toàn bộ trang thiết bị nuôi tôm công nghệ cao trên phần đất của ông Phạm Thành C và phần đất chị Phạm Thị Bích T2 (do chị T2 ủy quyền). Phần đất tọa lạc tại ấp Trại Lưới A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với diện tích 75.000m² (trong đó diện tích đất của ông C là 45.000m², diện tích đất của chị T2 là 30.000m²). Lợi nhuận sau khi trừ đi các khoản đầu tư và chi phí phát sinh còn lại chia đôi. Thời hạn hợp đồng là 5 năm. Quá trình đầu tư ông T1 không công khai minh bạch, trong việc mua vật tư nuôi tôm, cải tạo ao tôm, thức ăn nuôi tôm nên ông C yêu cầu hủy hợp đồng hợp tác, yêu cầu bồi thường vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu đền bù, bồi thường thiệt hại trước khi di dời tài sản ra khỏi phần đất và trả lại hiện trạng kênh cống xô như ban đầu; tài sản của ông C có trước không được di dời.

Ông T1 không công khai minh bạch được xác định cụ thể:

- Sửa 06 ao (vì ao có sẵn), trong đó 03 ao nuôi và 03 ao xử lý nước (03 ao xử lý nước mỗi ao 5.000m²; 03 ao nuôi tôm 01 ao 2.500m², 01 ao 2.600m², 01 ao 1.800m²), giá cải tạo 385.440.000 đồng.

- Lót bạc ao nuôi và ao xử lý nước: Ông Tường kê 29.500m² bạc lót với giá 41.000 đồng/m² thành tiền 1.209.500.000 đồng (có hóa đơn GTGT của Công ty TTHHTM & dịch vụ nuôi trồng thủy sản Gia Phúc ngày 24/8/2022). Nhưng thực tế, lót ao chỉ có 20.000m², giá 24.000 đ/m² đối với bạt HDPE 5 zem tính thành tiền 480.000.000 đồng, nhưng ông T1 nâng giá chênh lệch 729.500.000 đồng.

- Cánh quạt ông T1 kê khai là 500 cánh, mỗi cánh 85.000 đồng thành tiền 42.500.000 đồng. Kiểm tra thực tế gần 217 cánh, mỗi cánh 85.000 đồng/cánh, thành tiền 18.445.000 đồng, khai khống thêm 283 cánh nên giá trị chênh lệch 24.055.000 đồng.

- Thuê nhân công lắp thiết bị, đổ cột điện, làm lộ ra ao nuôi với giá 240.000.000 đồng. Ông T1 kê khai là 30 người làm công, nhưng thực tế có 15 người, làm 04 tháng (có người làm vài ngày, có người thì làm nửa tháng hoặc 02 tháng). Tiền công 8.000.000 đồng/người bao gồm cả tiền cơm, nếu 15 người thì 04 tháng là 120.000.000 đồng; nhưng ông T1 kê khai gấp đôi, chênh lệch 120.000.000 đồng.

- 02 Máy phát điện, theo báo giá Doanh nghiệp tư nhân Phát Đạt có trụ sở 79 Lê Lợi, khóm 3, phường 2, thành phố Cà Mau thì 01 cái hiệu CHANG FA giá 47.000.000 đồng và 01 cái hiệu QUANTRAI là 35.000.000 đồng; tổng 02 máy là

82.000.000 đồng. Ông T1 báo giá là 110.000.000 đồng cho 01 máy phát dự phòng, theo hóa đơn bán lẻ, chênh lệch 28.000.000 đồng.

- Tiền thức ăn, men thuốc và hóa chất ông T1 kê nâng số lượng cũng như nâng giá cả cao so với thực tế mua đại lý bán lẻ; đã qua nuôi và thu hoạch được 06 vụ tôm, mỗi vụ lên tôm đều báo lỗ, chỉ có một vụ là đủ vốn.

Hiện tại tôm đã nuôi được vụ 01 bán 552.121.150 đồng, vụ 02 bán 437.253.560 đồng, vụ 03 bán 2.192.227.374 đồng (vụ thứ 4 được 05 ngày thì tôm chết), vụ thứ 05 bán 1.281.024.900 đồng, vụ thứ 06 bán 1.438.220.400 đồng, vụ 07 lên được 02 ao bán 223.334.760 đồng (còn 01 ao đang nuôi); tổng cộng số tiền bán tôm là 6.124.182.144 đồng nhưng do ông T1 khai lỗ nên không chia lợi nhuận cho ông C.

Bị đơn ông Trần Văn T1 trình bày:

Ngày 26/3/2022, ông T1 và ông C có ký hợp đồng hợp tác nuôi tôm công nghệ cao trên phần đất vuông tôm của ông C. Theo thỏa thuận, ông T1 hùn vốn để đầu tư nuôi tôm, ông C góp vốn là phần đất, sau khi thu hoạch tôm trừ số tiền ông T1 đã đầu tư để hồi vốn, phần lợi nhuận sẽ chia đôi. Do đã qua tiền thu hoạch tôm chưa thu hồi vốn và chưa có lợi nhuận nên ông T1 chưa chia lợi nhuận cho ông C. Do ông không vi phạm hợp đồng nên không đồng ý hủy hợp đồng hợp tác với ông C, không kê giá chênh lệch, trường hợp ông C muốn hủy hợp đồng phải bồi thường toàn bộ chi phí đầu tư và 10% di dời. Ông T1 thừa nhận mỗi vụ đều thả nuôi 02 triệu con tôm con, nhưng vụ đầu tiên xuất hóa đơn nhằm, cánh quạt mua 500 cánh để quá trình sử dụng nếu có hư quạt thì thay; máy phát điện là ghi nhằm cột, thực tế 02 máy. Ông T1 thừa nhận đã nuôi và xuất bán được vụ thứ 1 bán 552.121.150 đồng, vụ thứ 2 bán 437.253.560 đồng, vụ thứ 3 bán 2.184.365.594 đồng, vụ thứ 4 nuôi được 05 ngày bị thuốc chết, vụ thứ 5 bán 1.281.023.000 đồng, vụ thứ 6 đang nuôi. Trước đây, khi hòa giải tại địa phương ông T1 cũng có thỏa thuận trích 5% mỗi vụ tôm bán được cho ông C hưởng, còn có lãi hay không lãi ông T1 tự chịu, ông C không đồng ý mà đòi nhiều hơn, nay ông T1 vẫn giữ thỏa thuận này nhưng thời gian tính lại vì mấy vụ đầu bị lỗ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Cẩm H là vợ ông C và chị Phạm Thị Bích T2 là con ông C không có ý kiến. Đối với phần đất chị T2 ủy quyền cho ông C ký hợp đồng với ông T1, chị T2 không đặt ra yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành C về việc khởi kiện Trần Văn T1 yêu cầu chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HDHTKD ngày 26 tháng 03 năm 2022, giữa Trần Văn T1 với ông Phạm Thành C.

Buộc ông Trần Văn T1 thanh toán cho ông Phạm Thành C và bà Phạm Cẩm H số tiền là 306.209.000 đồng.

Buộc ông T1 tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình đã đầu tư ra khỏi phần đất ông C để giao trả diện tích đất cho vợ chồng ông C và chị T2.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/01/2024 bị đơn là ông Nguyễn Công T1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 08/01/2024, Viện kiểm sát nhân huyện Năm Căn kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Viện kiểm nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Ngày 15/4/2024, người đại diện theo ủy quyền của ông T1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Năm Căn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn và yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T1 về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T1 không thừa nhận có gian dối trong việc kê khai không đúng và không minh bạch trong việc hùn nuôi tôm nên không đồng ý chấm dứt hợp đồng. Ông C cho rằng ông T1 không công khai minh bạch trong việc mua vật tư nuôi tôm, cải tạo ao tôm, thức ăn nuôi tôm nên ông C yêu cầu hủy hợp đồng hợp tác. Cấp sơ thẩm chưa xác định theo hợp đồng số 02/HĐHTKD ngày 26/3/2022 do ông C và ông T1 ký hợp đồng hợp tác nuôi tôm thì ông T1 đã vi phạm theo điều nào của hợp đồng. Ông C cho rằng ông T1 đã nuôi 6 vụ tôm và thu hoạch với số tiền 6.124.182.144 đồng nhưng ông T1 không chia tiền lợi nhuận cho ông C. Ông T1 cho rằng sau khi trừ chi phí đầu tư thì số tiền thu hoạch tôm chưa thu được lợi nhuận nên không chia cho ông C. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc ông T1 đã đầu tư vào khu nuôi tôm và chi phí nuôi tôm là bao nhiêu? Sau khi thu hoạch tôm đã trừ với các khoản tiền đầu tư cho việc nuôi tôm thì có lợi nhuận hay chưa? Tại phiên tòa, ông C cũng thừa nhận ở 4 vụ nuôi tôm đầu sau khi trừ chi phí thì chưa phát sinh lợi nhuận để chia. Theo thỏa thuận hợp đồng hợp tác các bên đã thỏa thuận sau khi thu hoạch tôm trừ các chi phí xây dựng khu nuôi tôm công nghệ cao và thu lại vốn đầu tư ban đầu thì số tiền lợi nhuận mới chia mỗi bên 50%. Do đó, cấp sơ thẩm cần xác định ông T1 đã đầu tư bao nhiêu tiền vào khu nuôi tôm công nghệ cao và các chi phí cho từng vụ nuôi để xác định tổng số tiền thu hoạch tôm ông T1 đã bán tôm sau khi trừ các khoản chi phí thì đã có lợi nhuận chưa để chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc chia lợi nhuận.

[2] Do đây là hợp đồng hợp tác nuôi tôm công nghệ cao, các bên đều thống nhất một bên đầu tư đất, một bên bỏ vốn để đầu tư và nuôi tôm, sau khi trừ chi phí có lãi sẽ chia đôi nên khi giải quyết các bên cần phải cung cấp chứng cứ chứng minh việc nuôi tôm có lãi hay không có lãi để xác định việc chia hay không chia lợi nhuận. Đối với việc ông C yêu cầu ông T1 bồi thường thiệt hại thì cần phải xác định thiệt hại là bao nhiêu tiền? Ai là người có lỗi vi phạm hợp đồng dẫn đến thiệt hại, theo hợp đồng quy định bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại và phải chịu phạt vi phạm hợp đồng 10% giá trị hợp đồng. Như vậy cấp sơ thẩm phải xác định ai là người có lỗi vi phạm hợp đồng gây ra thiệt hại là bao nhiêu? Phạt 10% giá trị hợp đồng thì giá trị hợp đồng được xác định là bao nhiêu? Ông C khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật nhưng không xác định là bao nhiêu là chưa có cơ sở để xem xét giải quyết.

[3] Theo biên bản làm việc ngày 17/7/2023 của Tòa án (Bl 76) thể hiện ông T1 thừa nhận khi hòa giải ở địa phương ông T1 có yêu cầu ông C buông đuôi cho ông thì mỗi kỳ lên tôm ông C được hưởng 5%/trên tổng số doanh thu, còn việc lờ hay lỗ ông T1 tự chịu nhưng ông C không đồng ý. Do đây là việc thỏa thuận ngoài hợp đồng, nếu giữa ông T1 và ông C thống nhất thỏa thuận theo yêu cầu của ông T1, thống nhất thời gian tiếp tục nuôi tôm đến thời gian kết thúc hợp đồng thì Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này nhưng do ông C không đồng ý theo yêu cầu của ông T1 nên đã phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm căn cứ biên bản làm việc ngày 17/7/2023 để buộc ông T1 phải bồi thường thiệt hại cho ông C là 306.209.000 đồng là số tiền được tính 5% trên tổng số tiền ông T1 bán tôm là 6.124.182.144 đồng là không có cơ sở.

[4] Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm cần phải xem xét thẩm định trên đất có bao nhiêu tài sản do ông T1 đầu tư, giá trị bao nhiêu để xác định số tiền đầu tư khu nuôi tôm công nghệ cao để làm cơ sở xem xét giải quyết khi đối trừ với số tiền thu hoạch tôm, những tài sản nào là của ông C đầu tư không được di dời và tài sản nào của ông T1 đầu tư để buộc tháo dỡ di dời vì theo yêu cầu của ông C là tài sản của ông C có trước không được di dời nhưng cấp sơ thẩm chưa xác định tài sản nào buộc ông T1 di dời thì không đảm bảo thi hành án.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thu thập chứng cứ cấp sơ thẩm thực hiện chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T1 không phải chịu.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị số 12/QĐ-VKS-DS ngày 08/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T1.

Tuyên xử:

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Năm Căn giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xử lý khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T1 không phải chịu, ông T1 có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013853 ngày 11/01/2014 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Năm Căn được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung

Nguyễn Thành Lập

Bùi Thị Phương Loan

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi Cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan

